

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 28/6/2019.

“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm;
2. Ông Hoàng Viết Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc *“Tranh chấp về hủy kết hôn trái pháp luật”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2018; Thông báo chuyển lịch số 01/TB-TA ngày 29/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 117 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: 117 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Văn P – Công chức tư pháp, hộ tịch UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Địa chỉ: 71 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày:

Vào ngày 4/4/2014 Tôi có đến phường T, thành phố B đăng ký kết hôn và được UBND phường T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau tôi mới phát hiện anh T còn có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Vân A cũng do UBND phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa tôi và anh Nguyễn Huỳnh T.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống với nhau chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn An Bảo T, sinh ngày 21/3/2014. Tôi có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh T trình bày:** Tôi thừa nhận vào ngày 24/4/2014 tôi có cùng với chị Đào Thị L đến UBND phường T, thành phố B để đăng ký kết hôn, trong khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị L tôi còn đang có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Vân A. Vì vậy, tôi xác nhận giữa tôi với chị Đào Thị L là mối quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B hủy kết hôn trái pháp luật giữa tôi và chị L.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống với nhau chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn An Bảo T, sinh ngày 21/3/2014. Tôi có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B trình bày:

Ngày 03/4/2014, tôi Nguyễn Văn P công chức tư pháp- hộ tịch UBND phường T tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L. Sau khi kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn của anh T và chị L đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật gồm có:

Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định của thông tư 08a năm 2010 của Bộ tư pháp tại tờ khai đăng ký kết hôn anh T và chị L kê khai là kết hôn lần thứ 1

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Đào Thị L

Sổ hộ khẩu, CMND của anh Nguyễn Huỳnh T có bản pho to và bản chính

kèm theo hộ khẩu của anh T chuyển đến phường T từ ngày 18/01/2005

Sau khi kiểm tra hồ sơ của anh T và chị L và rà soát tình trạng hôn nhân của anh T, tại địa phương thì anh T chưa được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đi đăng ký kết hôn với ai khác ngoài địa phương, hồ sơ của anh T và chị L đủ điều kiện theo quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch. Tôi vào đăng ký kết hôn sau đó trình lãnh đạo ký cấp giấy chứng nhận kết hôn cho công dân.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Nguyễn Huỳnh T có chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/04/2014. Tuy nhiên, trước khi đăng ký kết hôn với chị Đào Thị L, thì anh Nguyễn Huỳnh T đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Vân A. Do đó, anh T và chị L đã vi phạm điều cấm hôn được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình; Vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Đào Thị L đối với anh Nguyễn Huỳnh T, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị L và anh Nguyễn Huỳnh T và hủy giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 04/4/2014 của UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L có 01 con chung tên là cháu Nguyễn An Bảo T, sinh ngày 21/3/2014. Xét thấy cháu Nguyễn An Bảo T còn rất nhỏ, đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu T mới được 5 tuổi 02 tháng 21 ngày và hiện nay cháu đang sống với mẹ và là con gái, nên cần có sự chăm sóc thường xuyên của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu T thì cần giao cháu Nguyễn An Bảo T cho chị Đào Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn An Bảo T đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị L yêu cầu anh Nguyễn Huỳnh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn An Bảo T là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Huỳnh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L

không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đào Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Huỳnh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật và có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng như tham gia toàn bộ các phiên họp kiểm tra chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn - anh Nguyễn Huỳnh T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh T vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường T: Trước khi mở phiên tòa UBND phường T, thành phố B đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung:

3.1 . Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Nguyễn Huỳnh T có chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/04/2014. Tuy nhiên, trước khi đăng ký kết hôn với chị Đào Thị L, thì anh Nguyễn Huỳnh T đang có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Vân A theo giấy chứng nhận kết hôn số 243 ngày 23/12/2013. Như vậy, trong khi đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Vân A và chưa ly hôn theo quy định của pháp luật, đến ngày 04/4/2014 anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L tiếp tục đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do đó, anh T và chị L đã vi phạm điều cấm kết hôn được quy định tại

điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu của chị Đào Thị L về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L là phù hợp nên cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và trong bản tự khai của UBND phường T đều xác định trước khi đăng ký kết hôn với chị Đào Thị L thì anh Nguyễn Huỳnh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Vân A, việc chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L, là do khi kê khai anh T đã không cung cấp thông tin chính xác và che giấu việc kết hôn với chị Vân A. Ngoài ra, sau khi phát hiện hành vi che giấu của anh T chính quyền địa phương cũng đã tiến hành xử phạt hành chính 2.000.000 đồng đối với anh T theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48/QĐ-XPVPHC ngày 25 tháng 02 năm 2019 của UBND phường T, thành phố B.

Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ nhân giữa chị Đào Thị L và anh Nguyễn Huỳnh T là hôn nhân không hợp pháp và thuộc trường hợp cấm kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Đào Thị L đối với anh Nguyễn Huỳnh T, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị L và anh Nguyễn Huỳnh T và hủy giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 04/4/2014 của UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau giữa anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L có 01 con chung tên là cháu Nguyễn An Bảo T, sinh ngày 21/3/2014. Trong quá trình làm việc tại Tòa án anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu Nguyễn An Bảo T và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh đến điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn An Bảo T đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu T mới được 5 tuổi 02 tháng 21 ngày và hiện nay cháu đang sống với mẹ và là con gái, nên cần có sự chăm sóc thường xuyên của mẹ, nên để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu T thì cần giao cháu Nguyễn An Bảo T cho chị Đào Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn An Bảo T đủ tuổi trưởng thành.

3.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị L yêu cầu anh Nguyễn Huỳnh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn An Bảo T là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy đây là chi phí thực tế cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần buộc anh Nguyễn Huỳnh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000/tháng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

3.4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Nguyễn Huỳnh T và chị Đào Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Huỳnh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Đào Thị L. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị L và anh Nguyễn Huỳnh T là vợ chồng. Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyền số 01/2014 ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn An Bảo T cho chị Đào Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn An Bảo T đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Huỳnh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Huỳnh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn An Bảo T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu, nên không đề cập xem xét để giải quyết.

*** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị Đào Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Đào Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0011855, ngày 15/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Huỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND phường Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl